

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 39/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 23-9-2020
V/v “ Tranh chấp về ly hôn và nuôi
con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V - TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thoan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: Nguyễn Thị Nhiều

2. Ông Nguyễn Thanh Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2020/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34a/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2020/QĐST-HNGĐ ngày 16/9/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn D, xã N, huyện V, tỉnh Thái Bình

- Bị đơn: Anh Phạm Mạnh H, sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn D, xã N, huyện V, tỉnh Thái Bình

(Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* / Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/6/2020, bản tự khai ngày 29/6/2020 và quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Mạnh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện V, tỉnh Thái Bình vào ngày 03/9/2002. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại gia đình anh H ở thôn D, xã N, huyện V, tỉnh Thái Bình. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận, H phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H hay uống rượu về đánh, chửi và xúc phạm chị. Anh H cũng thường xuyên chửi bới, xúc phạm bố mẹ đẻ và anh em ruột thịt của chị. Căng thẳng nhất là vào ngày 21/6/2020, khi chị về nhà đón con thì anh H đã cầm gậy đe dọa đánh chết chị trên đường có nhiều người biết. Chị đã nhiều lần khuyên bảo và cho chồng cơ hội sửa chữa, chị cũng đã báo với chính quyền thôn nhờ can thiệp giúp, khi Trưởng thôn đến khuyên giải mâu thuẫn vợ chồng chị thì anh H không nghe, còn nói anh không bỏ được rượu. Chị đã cho anh H thời gian nhưng anh H không thay đổi tính tình vì vậy chị không còn tình cảm với anh H nữa, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H. Trước đây, khi gửi đơn ly hôn đến Tòa án chị còn muốn cho anh H cơ hội sửa chữa nên chị vẫn sống chung nhà với anh H. Tuy nhiên, khi viết bản tự khai vào ngày 29/6/2020, chị H trình bày: chị và hai con đã về sống ở nhà bố đẻ chị ở cùng thôn, ly thân với anh H. Đến thời điểm Tòa án về xác minh tại địa phương cũng như khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử tới nay, mẹ con chị H vẫn sống tại nhà bố đẻ chị. Anh H thường uống rượu vào buổi tối và sau khi uống rượu là chửi bới, xúc phạm chị làm ảnh hưởng đến cuộc sống vợ chồng và các con. Chị đã khuyên bảo anh H nhiều nhưng anh H vẫn chứng nào tật nấy không thay đổi. Việc chị thường xuyên bị chồng uống rượu bạo lực về tinh thần, có nhiều người hàng xóm sống gần gia đình chị biết và chính mẹ đẻ của anh H đã chứng kiến, nhưng theo chị, vì là hàng xóm thân cận nên họ sẽ không xác nhận hoặc làm chứng cho chị, tuy nhiên Ban lãnh đạo thôn D và Công an xã N đã biết việc này vì gia đình chị đã báo cáo.

Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung là Phạm Hồng Q, sinh ngày 13/8/2003 và Phạm Minh P, sinh ngày 17/5/2013. Ly hôn, chị xin nuôi dưỡng hai con chung. Chị yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con Phạm Minh P 1.000.000đồng/tháng (*một triệu đồng một tháng*) cho đến khi con P đủ 18 tuổi, không bị nhược điểm về thể chất, tâm thần. Thu nhập của chị ổn định, bình quân 8.000.000đồng/tháng, về chỗ ở của mẹ con chị hiện đang sống cùng nhà với bố đẻ chị và được bố chị giúp đỡ, đảm bảo chỗ ở, sinh hoạt lâu dài, đủ điều kiện vật chất cho các con chị ăn học ổn định.

Về tài sản chung của vợ chồng, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết; Vợ chồng chị không có khoản nợ chung nào và không có tài sản cho người khác vay mượn nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị H không sửa đổi, bổ sung, thay đổi, rút yêu cầu khởi kiện.

* Tại buổi làm việc với Tòa án ngày 03/7/2020, Bản tự khai cùng ngày 03/7/2020 và tại Đơn kiến nghị đề ngày 01/7/2020, bị đơn là anh Phạm Mạnh H trình bày: Anh đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và bản sao các tài liệu chứng cứ của chị H đã giao nộp cho Tòa án gửi cho anh. Do anh bận mãi công việc nên anh chưa đến Tòa án để trình bày quan điểm của mình. Anh và chị H tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N vào ngày 03/9/2002. Sau khi kết hôn anh và chị H sống tại nhà mẹ đẻ anh ở thôn Dưng Nghĩa, xã N. Vợ chồng chung sống H phúc đến ngày 15/6/2020 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn N là do anh đi làm bị áp lực, kèm theo anh có uống vài cốc bia nên anh không làm chủ được bản thân có mắng chửi vợ, thiếu kiềm chế lời nói và hành động. Vì vậy chị H đã bỏ về nhà bố đẻ ở cùng thôn với anh, không sống cùng anh đã 15 ngày (ngày 01/5/2020 âm lịch). Anh nhận thấy anh là người lo lắng đi làm kiếm tiền cho gia đình nên anh không bao giờ ly hôn, không chấp nhận chia tay chị H. Tuy nhiên, anh thừa nhận, thời gian qua anh đã có lỗi với vợ con, anh sẽ sửa đổi dần. Mong chị H suy nghĩ lại và đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng anh.

Về con chung anh H xác định đúng như lời trình bày của chị H. Nguyên vọng của anh nếu phải ly hôn, anh xin nuôi 01 con. Công việc của anh là thợ xây, nhận các công trình để xây dựng tại địa phương. Thu nhập của anh không đều vì anh nhận tiền theo công trình, khi nào họ thanh toán mới có. Ngày 13/7/2020, anh H có đơn đề nghị: Do từ ngày 17/7/2020 trở đi, anh H sẽ phải đi làm xa, cụ thể là đi làm viễn thông tại các tỉnh phía Bắc, không cố định ở một tỉnh nào. Theo yêu cầu công việc, nên anh H thường xuyên không có mặt ở nhà. Anh xin được vắng mặt tại các buổi làm việc tại Tòa án và đề nghị Tòa án gửi tài liệu, văn bản cho anh theo địa chỉ của anh, mẹ anh ở cùng nhà với anh sẽ nhận và thông báo cho anh.

* Về tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp cho Tòa án:

Chị H giao nộp cho Tòa án: Phiếu thanh toán lương của chị tại công ty nơi chị đang làm công nhân, thể hiện mức thu nhập một tháng là 9.397.000đồng và 01 Đơn xin xác nhận của ông Nguyễn Đức Th, sinh năm 1955, địa chỉ: thôn D, xã N là bố đẻ chị H đề ngày 23/6/2020 xác nhận: ba mẹ con chị H đang sinh sống tại nhà ông Thịnh đủ điều kiện để các con chị H sinh sống, học tập và cam kết của ông Thịnh về việc đảm bảo cho ba mẹ con chị H được sinh sống ổn định, lâu dài tại nhà ở của ông, đơn có xác nhận của Trưởng thôn D và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N ngày 24/6/2020. Cũng theo nội dung đơn xin xác nhận của ông Nguyễn Đức Th, vào ngày 21/6/2020, do có sự đe dọa của anh H nên chị H và hai con đã về nhà ông để sinh sống từ đó đến nay.

Tòa án đã giải thích cho anh H và chị H nghĩa vụ giao nộp tài liệu chứng cứ để chứng minh cho quan điểm và nguyện vọng của mình là có căn cứ và hợp pháp. Anh

H trình bày trong bản tự khai là sẽ có trách nhiệm giao nộp tài liệu chứng cứ để chứng minh cho quan điểm của anh, nhưng đến thời điểm Tòa án đưa vụ án ra xét xử, anh H vẫn không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì chứng minh việc cải thiện quan hệ vợ chồng anh và không giao nộp được tài liệu chứng cứ nào thể hiện khả năng và điều kiện nuôi con của anh H.

* Biên bản ghi lời khai của con chung là cháu Phạm Hồng Q và Phạm Minh P ngày 13/7/2020 trước sự chứng kiến của chị H, anh H: các cháu Q và P đều trình bày có nguyện vọng ở với mẹ, nếu bố mẹ phải ly hôn. Hiện tại hai chị em đang sống cùng với mẹ tại nhà ông ngoại ở thôn D, xã N, được mẹ và ông ngoại chăm sóc, đưa đón đi học. Lý do cháu Q muốn ở với mẹ là do bố hay uống rượu, tối về mắng chửi mẹ con cháu, cứ cách hai ngày lại xảy ra sự việc này; cháu P muốn ở với mẹ lý do cháu sợ bố khi bố uống rượu. Cháu Q đề nghị Tòa án yêu cầu bố cháu phải cấp dưỡng nuôi cháu khi các cháu ở với mẹ.

*/ Biên bản xác minh ngày 12/8/2020 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện V, tỉnh Thái Bình thể hiện:

Chị H và anh H kết hôn tự nguyện và đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã N ngày 03 tháng 9 năm 2002. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại gia đình anh H ở thôn D, xã N, huyện V, tỉnh Thái Bình. Vợ chồng anh chị chung sống H phúc được khoảng 15 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân địa phương nắm bắt là do tính tình vợ chồng không còn hòa hợp, bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, anh H chửi bới, lăng mạ chị H và gia đình. Cơ sở nơi anh H sinh sống cung cấp anh H thường uống rượu rồi say sấn, chửi bới chị H. Mâu thuẫn căng thẳng vào tháng 6/2020 khi anh H cầm gậy đuôi đánh chị H. Vì vậy, chị H đã cùng hai con về nhà bố đẻ chị H ở cùng thôn sinh sống. Nay chị H có đơn ly hôn anh H, đề nghị Tòa án căn cứ nguyện vọng của chị H, thực trạng mâu thuẫn để giải quyết ly hôn theo nguyện vọng của chị H vì cơ sở thôn đã nhiều lần đến hòa giải cho anh chị nhưng không có kết quả, bản thân anh H không chịu từ bỏ uống rượu; Công an xã cũng đã phải giải quyết vì có đơn của gia đình chị H trình báo về hành vi của anh H đối với chị H. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Hồng Q, sinh ngày 13/8/2003 và Phạm Minh P, sinh ngày 17/5/2013. Hiện nay cả ba mẹ con chị H đang ở nhà riêng của ông Th là bố đẻ chị H. Chị H đang làm công nhân may ở nội tỉnh Thái Bình, thu nhập khoảng 08 triệu đồng/tháng; có bố đẻ hỗ trợ chăm sóc con cho chị. Anh H làm nghề cai thầu xây dựng, công trình khi có khi không nên thu nhập không ổn định. Về điều kiện nuôi con của anh H: anh H sống cùng mẹ đẻ tại nhà của mẹ anh ở thôn D. Mẹ đẻ anh H là giáo viên về hưu có điều kiện và thời gian chăm sóc con cho anh H. Nhưng anh H tính tình nóng nảy, thường xuyên say sấn do rượu, chửi mắng, hành hạ vợ con nên không đảm bảo sự gương mẫu và sự an toàn

cho các con. Anh H cũng thường xuyên đi làm xa do công việc nên không có thời gian chăm sóc cho con. Căn cứ vào nguyện vọng và điều kiện của vợ chồng anh chị hiện nay, địa phương đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo lợi ích tốt nhất cho các cháu.

Về tài sản chung của vợ chồng: Anh chị không yêu cầu giải quyết nên địa phương không có ý kiến gì.

Về nợ chung: Vợ chồng không có khoản nợ chung nào ở địa phương. Các khoản nợ khác có hay không, địa phương không nắm được. Đề nghị căn cứ vào nguyện vọng của anh chị để giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình có quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn đã chấp hành một phần nghĩa vụ của mình và hai lần vắng mặt tại phiên tòa không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81,82,83,84 Luật Hôn nhân và gia đình, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Xử cho chị H được ly hôn anh H. Về con chung: Giao 02 con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận việc chị H yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung Phạm Minh Phúc 01 triệu đồng/tháng cho đến khi con Phúc đủ 18 tuổi, không bị nhược điểm về thể chất và tâm thần. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết. Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Anh H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị Hồng H có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Phạm Mạnh H và đề nghị giải quyết cho chị nuôi 02 con chung khi ly hôn, anh H không đồng ý ly hôn với chị H và xin nuôi một con nên đây là vụ án “ Tranh chấp về ly hôn và nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Anh Phạm Mạnh H có nơi cư trú tại: Thôn D, xã N, huyện V, tỉnh Thái Bình. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Hồng H có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm giải quyết vụ án như nội dung đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án. Bị đơn anh Phạm Mạnh H được triệu tập hợp lệ 02 lần

đến phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do. Để đảm bảo quyền lợi cho anh H, Tòa án đã ra quyết định hoãn phiên tòa lần thứ nhất vì vắng mặt anh H (mặc dù tại biên bản giao nhận Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập đến phiên tòa ngày 26/8/2020 anh H đề nghị Tòa án cứ xét xử vắng mặt anh, dùng triệu tập anh tới phiên tòa nữa). Căn cứ vào các điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh H kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện V, tỉnh Thái Bình ngày 03/9/2002 là hôn nhân hợp pháp. Do vợ chồng bất đồng quan điểm về lối sống: chị H lo cho sức khỏe và sự an toàn, H phúc của gia đình nên đã khuyên bảo anh H, nhờ chính quyền thôn nhiều lần hòa giải, can thiệp để anh H bỏ rượu nhưng anh H không đồng ý. Việc anh H uống rượu thường xuyên dẫn tới mất kiểm soát bản thân thường xuyên chửi mắng, lăng mạ xúc phạm chị H, thậm chí còn có hành vi bạo lực gia đình với chị H. Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã N, được cơ sở thôn cung cấp: anh H hay uống rượu và mắng chửi xúc phạm chị H rất nhiều lần, làm mất trật tự trị an ở khu xóm. Cơ sở thôn đã tích cực hòa giải và khuyên anh H bỏ rượu nhưng anh H không tiếp thu. Khi đến Tòa án trình bày quan điểm, anh H cũng thừa nhận lỗi của anh là uống rượu, đánh chửi chị H, làm các con của anh lo sợ. Bản thân anh H không muốn ly hôn nhưng không cải thiện thói quen xấu cũng không có biện pháp nào cải thiện mâu thuẫn vợ chồng. Như vậy, nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng anh H chị H như đã nêu trên xuất phát hoàn toàn từ lỗi của anh H (do uống rượu mất kiểm soát bản thân nên có những hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ về nhân thân giữa vợ và chồng). Anh và chị H đã sống ly thân từ tháng 6/2020 đến nay, không ai còn quan tâm đến ai và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Tòa án đã cho thời gian và tổ chức hòa giải để anh H chị H có cơ hội đoàn tụ. Nhưng tại phiên hòa giải, chị H có mặt và giữ quan điểm kiên quyết ly hôn rồi xin phép vắng mặt tại phiên họp để đi làm thì anh H cũng xin vắng mặt tại phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và không đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng anh nữa; đồng thời anh đề nghị Tòa án thông báo kết quả phiên họp kiểm tra tiếp cận chứng cứ cho anh và không báo anh đến Tòa án làm việc nữa. Khi mở phiên tòa, Tòa án đã triệu tập họp lệ hai lần nhưng anh H đều vắng mặt không có lý do. Điều đó chứng tỏ anh H cũng không còn thiết tha níu kéo cuộc sống hôn nhân của anh với chị H nữa mà có thái độ buông xuôi, đoàn tụ hay không cũng được. Từ những phân tích nêu trên đã thể hiện mâu thuẫn vợ chồng anh H chị H là trầm trọng, đời sống chung trên thực tế đã chấm dứt, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị H: Xử cho chị H được ly hôn anh H.

[4] Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị Hồng H và anh Phạm Mạnh H có 02 con chung là Phạm Hồng Quyên, sinh ngày 13/8/2003 và Phạm Minh Phúc, sinh ngày 17/5/2013. Ly hôn, chị H xin nuôi dưỡng cả hai con chung, chị yêu cầu

anh H cấp dưỡng nuôi con Phúc 01 triệu đồng /tháng cho đến khi con Phúc đủ 18 tuổi. Anh H đề nghị nuôi một con, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên vọng xin nuôi con của chị H và anh H là chính đáng. Xét điều kiện hiện tại của chị H và anh H thấy: Chị H đang là công nhân làm việc tại khu công nghiệp tỉnh Thái Bình, có thu nhập ổn định hàng tháng bình quân 08 triệu đồng/tháng và có nơi ở ổn định, đủ điều kiện để nuôi dưỡng hai con học tập và sinh sống. Bản thân chị có bố đẻ là người có nhà ở và cam kết sẽ tạo điều kiện giúp chị H chăm sóc 02 con. Điều kiện nuôi con của chị H được chị H, ông Thịnh là bố chị H, hai con chung của chị H anh H và cơ sở thôn cùng chính quyền địa phương xác nhận(thể hiện tại Bản tự khai của chị H ngày 29/6/2020, Đơn xin xác nhận của ông Thịnh ngày 23/6/2020, Biên bản ghi lời khai của hai con chung ngày 13/7/2020 và Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã N ngày 12/8/2020) và anh H cũng không có ý kiến phản đối điều kiện và khả năng nuôi con của chị H. Xét điều kiện nuôi con của anh H thấy: Anh H thu nhập không ổn định, lại thường xuyên phải đi làm xa sẽ không thể quan tâm chăm sóc tốt cho con; việc anh H uống rượu thường xuyên và có hành vi đánh chửi chị H đã làm ảnh hưởng đến tinh thần và sự phát triển bình thường của các cháu. Bản thân anh H cũng không thực hiện nghĩa vụ giao nộp tài liệu, chứng cứ để chứng minh khả năng nuôi con của anh như mức thu nhập thực tế của anh là bao nhiêu nên không có cơ sở để đánh giá khả năng kinh tế của anh; Mặt khác, hai con của anh là cháu Quyên và cháu Phúc đều có nguyện vọng xin ở với chị H. Do vậy, để đảm bảo sự an toàn và quyền lợi mọi mặt của các con, trên cơ sở xem xét đề nghị của Ủy ban nhân dân xã N và cơ sở thôn Dũng Nghĩa, nguyện vọng, điều kiện thực tế của chị H và các con, căn cứ khoản 2 Điều 81, các Điều 82,83,84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 4, Điều 5 Luật trẻ em, cần giao con Phạm Hồng Quyên và Phạm Minh Phúc cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Xét yêu cầu của chị H buộc anh H cấp dưỡng nuôi con chung Phạm Minh P, sinh ngày 17/5/2013. Hội đồng xét xử nhận thấy: Bản thân anh H là người có sức khỏe và có lao động tạo thu nhập, mặc dù không rõ mức thu nhập cụ thể; Mặt khác, yêu cầu cấp dưỡng của chị H là để đảm bảo quyền lợi cho cháu Phúc nên có cơ sở chấp nhận. Căn cứ vào khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, cần buộc anh H phải cấp dưỡng nuôi con Phạm Minh P 01 triệu đồng/tháng, kể từ tháng 10 năm 2020 cho đến khi con Phúc đủ 18 tuổi, không bị nhược điểm thể chất và tâm thần.

[5] Về quan hệ tài sản:

Chị H và anh H không yêu cầu giải quyết tài sản, anh chị không vay nợ chung và không cho ai vay nợ gì, chị H và anh H không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và anh H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 39 Bộ luật Dân sự; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 91, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 6, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử cho chị Nguyễn Thị Hồng H được ly hôn anh Phạm Mạnh H.

2. Về quan hệ con chung:

Xử giao cho chị Nguyễn Thị Hồng H trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Phạm Hồng Q, sinh ngày 13/8/2003 và Phạm Minh P, sinh ngày 17/5/2013. Buộc anh Phạm Mạnh H cấp dưỡng nuôi con Phạm Minh P 01 triệu đồng/tháng (*một triệu đồng*), kể từ tháng 10 năm 2020 cho đến khi con Phạm Minh P đủ 18 tuổi, không bị nhược điểm về thể chất và tâm thần.

Anh Phạm Mạnh H có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con Phạm Hồng Q và con Phạm Minh P được sống chung với người trực tiếp nuôi là chị Nguyễn Thị Hồng H.

Anh Phạm Mạnh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Chị Nguyễn Thị Hồng H và anh Phạm Mạnh H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng H phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000đồng chị H đã nộp tạm ứng án

phí tại biên lai số 0003850 ngày 29/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình sang thành tiền án phí. Chị Nguyễn Thị Hồng H đã nộp đủ tiền án phí theo quy định. Anh Phạm Mạnh H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đồng(Ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Hồng H và anh Phạm Mạnh H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Ủy ban nhân dân xã N, huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện V;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Ủy ban nhân dân xã Tân Phong, huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện V;
- Lưu: văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Bùi Thị Thoan